# JFA U12サッカーリーグ2021〈横浜地区〉

幹事チーム

原FC

TEL

U12-Gブロック

携帯 FAX

Image	. , ., .																										•••	٠.	1/3	-																																																																																													
IRFC   本本   4 - 0   2 - 1   7 - 0   7 - 0   0 - 0   9 - 0   6 - 0   10 - 0   4 - 0   8	負分	勝	勝り	負	勝	膀	ズ	ゴンズ	ドラゴン	田ド	津田	長津	) :	sc	S台	自	葉	Ž		FC	小F	呆儿	保	Ξ1			)	sc	筑S	鄒笌	者		;	FC	ÍЩ	E近	左	sc	き5	の:	IJC	φı	f		С	ЦF	ΞД	Ŧ		;	С	]F	門	炸	大				;	С	280	125	N2	١									)	С	-C	FC	亰F	原	原	原	J	J																					J.	Ŗ	原	原	原	原	原	原	原	原	原	房	F	J	F	F	F	J	J	J.	J
2 N2SC 0 - 4 ** 1 - 3 6 - 1 0 - 0 0 - 2 2 - 1 1 - 0 1 - 2 2 - 2 3 3 3 大門FC 1 - 2 3 - 1 ** 6 - 0 2 - 0 1 - 1 6 - 0 1 - 0 5 - 0 4 - 0 7 4 上山FC 0 - 7 1 - 6 0 - 6 ** 1 - 2 0 - 11 3 - 1 4 - 0 1 - 1 0 - 1 2 2 - 2 3 3 5 5 6 6 7 6 7 7 8 7 8 7 8 7 8 7 8 7 8 7 8 7	0 1	8	8 0	0	8	8	0	0			4	4	0	0				10	)	0				6	6	,	0				9	g	0		_	-	0	0		0		7		0				7	7	1						2	-	0	(						4	4	4						7	¥	☆	*	Å٦	☆	☆	Å	7																						,	ž	ž	☆	☆	☆	☆	å	å	☆	Å	¥	¥	7	¥	¥	¥	7	7	7	,
3 大門FC 1 - 2 3 - 1 ** 6 - 0 2 - 0 1 - 1 6 - 0 1 - 0 5 - 0 4 - 0 7 4 上山FC ** ** 1 - 2 0 - 11 3 - 1 4 - 0 1 - 1 0 - 1 2 5 5 6 6 7 6 8 8 8 8 8 8 8 8 8 8 8 8 8 8 8 8	4 2	3	3 4	4	3	3	2	2			2	2	2	2		•		1	)	0				1	1		1				2	2	2		•		0	0				0	(	1				6	6	3			_			1				¥	Å	☆	Å	•					1	4	4	4			-	•	•	_	-				)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0	1																					
4 上川FC 0 - 7 1 - 6 0 - 6 ** 1 - 2 0 - 11 3 - 1 4 - 0 1 - 1 0 - 1 2 5 ゆりのきSC	1 1	7	7 1	1	7	7	0	0		-	4	4	0	0				5	)	0	-	0		1	1	,	0				6	6	1		△ –		1	0				2	:	0				6	6		r	☆	77	☆				1							3	3	3	I	2	2	2	2			• -	•	•	•	-					1	1	1	1	1	1									1	1	1	1																						
15   ゆりのきSC   -	6 1	2	2 6	6	2	2	1	1	• - 1	-	)	0	1	1				1	)	0				4	4		1				3	3	1	1	•		0	2		•		1			7	☆	☆	,		6			_		<u> </u>	0	(	6	(		<b>•</b>	_			1	1	1		7	7	7	7			-	•	•	•	-				)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0																						
	4 2	3	3 4	4	3	3	0	0	) - (	-	2	2	0	0	-	△ -		0	3	3	-	•		0	0	,	0		0	-	2	2	4		•		0		å	t r	A			1			-	2	2	2			• -		,	0	(	0	(			_			0	0	(		7	7	7	7				_	•	_					)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0									ĺ	ĺ												
6 左近山FC	0 2	7	7 0	0	7	7	0	0		-	4	4	0	0	-	0		6		1	-	0	-	4	4	,	0				8	8		7	7 12	☆		0				4	ļ ,	0				1	11	1						1		0	(						2	2	2		)	0	0	0											)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0																						
7 都筑SC 0 - 9 1 - 2 0 - 6 1 - 3 0 - 2 0 - 8 ☆☆ 0 - 0 0 - 0 1 - 3 0	7 2	0	0 7	7	0	0	3	3			1	1	0	0				0	)	0				0	0			ţ	* *	☆			8		•		0	2		•		0	(	3		-	-		1	6			_		,	0	(	2	- 2		_	_			1	1	1		9	9	9	9				-	_						)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0	1																					
8 三保小FC 0 - 6 0 - 1 0 - 1 0 - 4 3 - 0 1 - 4 0 - 0 **	6 2	1	1 6	6	1	1	4	4	•	_	2	2	0	0				0			☆	d r	☆	-		_	0				0	C	4		•	-	1	0		_		3	;	4		<b>•</b>	•	)	0	1			_			0	(	1			_	_			0	0	(		ŝ	6	6	6				_	_	•	. `				)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0									•	•												
9 若葉台SC 0 - 10 2 - 1 0 - 5 1 - 1 0 - 6 0 - 0 0 - 0 0 - 0 2 2 2 1 0 - 1 0 - 1 0 0 - 1 0 0 - 1 0 0 - 1 0 0 0 - 1 0 0 0 - 1 0 0 0 - 1 0 0 0 0	3 4	2	2 3	3	2	2	1	1			2	2			☆	<b>\</b>	☆		)	0				0	0		0				0	C	6		•		0	0				0	(	1					1	5			-	ĺ	,	0	(	1							2	2	2	)	0	10	10	10	-		٠,	_	_	_					)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0																						
10     長津田ドラゴンズ     0     -     4     2     -     2     0     -     4     1     -     0     0     -     2     0     -     4     3     -     1     4     -     2     1     -     2     0     -     4     3     -     1     4     -     2     1     -     2	5 1	3	3 5	5	3	3			*	☆			2	2	-	•		1	2	2				4	4		1				3	3	4		•	-	0	2		•		0	(	0					1	4			_	ì		0	(	2	-						2	2	2		1	4	4	4			-	•	-	_	-				)	0	0	0	0	C	(	(								C	0	0	0																						

※自動表ですので左下半分のみ記入して下さい。

# 第1節 、第2節

# U-12-E 4 月 29 日 (日) 玄海田公園G

15-5-15

# Aコート

NO	キックオフ	予	選り一	グ	主審	副審	副審
1	13:30	三保小FC	2 – 4	長津田ドラゴンズ	若葉台	都筑	都筑
2	14:10	若葉台SC	0 - 0	都筑SC	三保小	長津田	長津田
3	14:50	N2SC	2 – 2	長津田ドラゴンズ	都筑	若葉台	若葉台
4	15:30	大門FC	1 – 2	原FC	長津田	N2SC	N2SC
5	16:10	左近山FC	6 - 0	若葉台SC	原	大門	大門
				B⊐ート			
1	13:30	N2SC	0 - 4	原FC	上山	大門	大門
2	14:10	大門FC	6 - 0	上ЩFC	原	N2SC	N2SC
3	14:50	ゆりのきSC	0 - 4	左近山FC	大門	上山	上山
4	15:30	上山FC	3 - 1	都筑SC	ゆりのき	左近山	左近山
5	16:10	三保小FC	3 - 0	ゆりのきSC	上山	都筑	都筑

U-12-E 5 月 3 日 (月) 瀬谷みはらし公園

15-5-15

							, 0 10
NO	キックオフ	予	選 リ ー	グ	主審	副審	副審
1	9:00	三保小SC	0 - 1	N2SC	原FC	ゆりのきFC	若葉台FC
2	9:40	ゆりのきFC	0 - 0	若葉台FC	三保小SC	N2SC	大門FC
3	10:20	大門FC	4 - 0	長津田ドラゴンズFC	ゆりのきFC	若葉台FC	FC左近山
4	11:00	FC左近山	11 - 0	FC上山	大門FC	長津田ドラゴンズFC	FC都筑
5	11:40	FC都筑	0 - 9	原FC	FC左近山	FC上山	三保小SC
6	12:20	若葉台FC	0 - 0	三保小SC	FC都筑	原FC	N2SC
7	13:00	N2SC	1 – 3	大門FC	若葉台FC	三保小SC	原FC
8	13:40	FC上山	1 – 2	ゆりのきFC	N2SC	大門FC	長津田ドラゴンズFC
9	14:20	長津田ドラゴンズFC	3 – 1	FC都筑	FC上山	ゆりのきFC	FC左近山
10	15:00	原FC	0 - 0	FC左近山	長津田ドラゴンズFC	FC都筑	FC上山

U-12-E 5 月 4 日 (火) 瀬谷みはらし公園 15-5-15

							7 0 10
NO	キックオフ		予選リーグ		主審	副審	副審
1	9:00	三保小SC	0 - 0	FC都筑	原FC	N2SC	FC左近山
2	9:40	FC左近山	2 - 0	N2SC	三保小SC	FC都筑	若葉台FC
3	10:20	若葉台FC	0 - 10	原FC	FC左近山	N2SC	FC都筑
4	11:00	FC都筑	0 - 6	大門FC	若葉台FC	原FC	ゆりのきFC
5	11:40	ゆりのきFC	2 - 0	長津田ドラゴンズFC	FC都筑	大門FC	三保小SC
6	12:20	FC上山	4 - 0	三保小SC	ゆりのきFC	長津田ドラゴンズFC	原FC
7	13:00	N2SC	0 - 0	ゆりのきFC	FC上山	三保小SC	長津田ドラゴンズFC
8	13:40	大門FC	1 – 1	FC左近山	N2SC	ゆりのきFC	FC上山
9	14:20	長津田ドラゴンズFC	1 – 2	若葉台FC	大門FC	FC左近山	FC上山
10	15:00	原FC	7 – 0	FC上山	長津田ドラゴンズFC	若葉台FC	大門FC

U-12-E 5 月 5 日 (水) 瀬谷みはらし公園

15-5-15

							7 0 10
NO	キックオフ	予	選 リ ー	グ	主審	副審	副審
1	9:00	FC都筑	0 - 8	FC左近山	原FC	大門FC	ゆりのきFC
2	9:40	大門FC	2 - 0	ゆりのきFC	FC都筑	FC左近山	三保小SC
3	10:20	三保小SC	0 - 6	原FC	大門FC	ゆりのきFC	FC上山
4	11:00	長津田ドラゴンズFC	1 - 0	FC上山	三保小SC	原FC	N2SC
5	11:40	N2SC	1 – 2	若葉台FC	長津田ドラゴンズFC	FC上山	FC左近山
6	12:20	FC左近山	4 - 1	三保小SC	N2SC	若葉台FC	FC都筑
7	13:00	ゆりのきFC	2 - 0	FC都筑	FC左近山	三保小SC	原FC
8	13:40	若葉台FC	0 - 5	大門FC	ゆりのきFC	FC都筑	長津田ドラゴンズFC
9	14:20	FC上山	1 - 6	N2SC	若葉台FC	大門FC	長津田ドラゴンズFC
10	15:00	原FC	4 - 0	長津田ドラゴンズFC	FC上山	N2SC	若葉台FC

# 最終節

 U-12-E
 5 月 15 日
 瀬谷みはらし公園

 15-5-15

NO	キックオフ	予	`@	11	_	ار ا	主審	副審	副審
NO	モックオン	1/	选	٠,		, 	工份	<b>町</b> 田 田	<b>町</b>
1	9:00	三保小SC	0	_	1	大門FC	原FC	若葉台FC	FC上山
2	9:40	若葉台FC	1	-	1	FC上山	三保小SC	大門FC	ゆりのきFC
3	10:20	ゆりのきFC	0	1	7	原FC	若葉台FC	FC上山	N2SC
4	11:00	N2SC	2	-	1	FC都筑	ゆりのきFC	長津田ドラゴンズFC	FC左近山
5	11:40	長津田ドラゴンズFC	0	1	4	FC左近山	N2SC	FC都筑	原FC
6	12:20								
7	13:00								
8	13:40								
9	14:20								
10	15:00								